

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH Q**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/HS.ST
Ngày 29-12-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH Q**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông Nguyễn Trường Sơn.

2) Bà Phạm Thị Cang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo, Thư ký Toà án nhân dân huyện D, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga, Kiểm sát Viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Q, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu T (*tên gọi khác: V*), sinh ngày 18/8/1994, tại quận T, thành phố ĐN; nơi cư trú: khối phố X, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q; nghề nghiệp: Spa; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Trọng L (sinh năm: 1975) và bà Nguyễn Thị L (sinh năm: 1976); bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 03 chị em, có chồng là Văn Phú B (sinh năm 1988), có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Phan Thị Thùy D, sinh năm 1998, trú tại: khối phố L2, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q (*Có mặt*)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị Ánh G, sinh năm 1998, trú tại: khối phố B, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q. (*Có mặt*)

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1988, trú tại: khối phố L 2, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q. (*Vắng mặt*)

3. Ông Văn Anh K, sinh năm 1981, trú tại: khối phố B, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q. (*Vắng mặt*)

4. Bà Trương Thị Tường V, sinh năm 1976, trú tại: khối phố L 2, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q. (*Vắng mặt*)

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1996 trú tại: thôn Đ, xã D, huyện D, tỉnh Q. (*Có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 35 phút ngày 15/9/2021, Nguyễn Thị Thu T điều khiển xe mô tô hiệu Rebat biển kiểm soát 92F6-8715 (xe này thuộc sở hữu của Văn Anh K, sinh năm 1981, trú khối phố B, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q) đến quán Trọng chuyên bán đồ gia dụng tại số 28 đường H Vương, khối phố L 2, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q do bà Trương Thị Tường V (sinh năm 1976, trú tại khối phố L 2, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q) làm chủ để mua 10 (*mười*) cái ghế nhựa. Lúc này trong quán có bà V cùng với chị Phan Thị Thùy D (sinh năm 1998, là con gái bà V) đang bán quán. Sau khi, T hỏi mua ghế thì bà V cùng chị Dung đi vào phía trong quán để lấy ghế cho T. Lợi dụng việc không có ai trông coi phía trước quán, T lấy trộm 01 (*một*) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen bộ nhớ 32GB để trong hộc bàn của quán (chiếc điện thoại này là của chị Phan Thị Ánh G, sinh năm 1998, trú tại khối phố B, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q gửi cho chị Dung giữ hộ). Sau khi trộm được điện thoại trên, T bỏ vào túi áo của mình, khi chị Dung đem ghế ra giao cho T thì T thanh toán tiền ghế rồi rời khỏi quán. Sau đó, T đem chiếc điện thoại trộm được bán tại cửa hàng điện thoại Minh H tại thôn B, xã Q1, huyện Q, tỉnh Q do anh Nguyễn Văn H (sinh năm 1988, trú khối phố L 2, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q) làm chủ với giá 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng). Trên đường T đi từ Quê X về N thì bị Nguyễn Phước T (sinh năm 1996, trú thôn Đ, xã D, huyện D, tỉnh Q) là nhân Viên của quán Trọng bắt gặp tại phía trước cửa hàng điện thoại di động Thịnh Phát thuộc khối phố L 1, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q. Tại đây, T đã khai nhận toàn bộ hành V phạm tội của mình tại quán Trọng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (*một*) điện thoại di động loại màn hình cảm ứng hiệu Iphone 7 Plus màu đen, bộ nhớ 32Gb. Đã trả lại cho người bị hại bà Phan Thị Thùy D.

- 01 (*một*) điện thoại di động loại bàn phím cơ hiệu Nokia 105TA1174 màu đen.

- 01 (*một*) xe mô tô hiệu Rebat, biển kiểm soát 92F6-8715.

- 01 (*một*) áo thun ngắn tay màu hồng trên ngực áo có thêu ký tự “15 May be you are a good boy”.

- 01 (*một*) áo khoác dài tay có mũ trùm đầu màu xanh đen, mặt trong phía dưới mũ trùm có in ký tự “TN NAM VỆT”.

- 01 (một) Quần jean ngắn màu xanh, tại mác quần có thêu ký tự “VTjeans”,
- 01 (một) đôi dép xỏ ngón có quai kép màu cam và đen, tại quai màu cam có dập nổi ký tự "monobo".

- 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu điện tử gồm 02 tập tin tên “Camera Minh H lúc bán.mp4” và “Camera Minh H lúc chuộc lại.mp4”.

- 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu điện tử gồm 02 tập tin tên “Quán Trọng 1.mp4” và “Quán Trọng 2.mp4”.

* Theo kết luận định giá tài sản số: 20/KLĐG-HĐĐGTS ngày 16/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen bộ nhớ 32GB có giá trị là 4.933.600 đồng (Bốn triệu chín trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm đồng).

Tại bản Cáo trạng số: 59/CT-VKSDX ngày 16 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát Viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Về trách nhiệm dân sự, bà Phan Thị Thùy D không yêu cầu bồi thường. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên trả lại 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 92F6-8715 cho anh Văn Anh K; tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo thun ngắn tay màu hồng trên ngực áo có thêu ký tự “15 May be you are a good boy”, 01 (một) áo khoác dài tay có mũ trùm đầu màu xanh đen, mặt trong phía dưới mũ trùm có in ký tự “TN NAM VIỆT”, 01 (một) Quần jean ngắn màu xanh, tại mác quần có thêu ký tự “VTjeans”, 01 (một) đôi dép xỏ ngón có quai kép màu cam và đen, tại quai màu cam có dập nổi ký tự "monobo"; trả lại 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím cơ hiệu Nokia 105TA1174 màu đen cho bị cáo Nguyễn Thị Thu T. Đề nghị lưu hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu điện tử gồm 02 tập tin tên “Camera Minh H lúc bán.mp4” và “Camera Minh H lúc chuộc lại.mp4” và 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu điện tử gồm 02 tập tin tên “Quán Trọng 1.mp4” và “Quán Trọng 2.mp4”.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu T thống nhất với nội dung cáo trạng, thừa nhận hành V phạm tội mà mình đã gây ra, bị cáo rất ăn năn hối lỗi, đồng thời mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D, Điều tra Viên, Viên kiểm sát nhân dân huyện D và Kiểm sát Viên trong quá trình điều tra, truy tố đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra và truy tố, bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị Thu T tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ, với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để xác định: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào lúc 17 giờ 35 phút ngày 15/9/2021, tại cửa hàng bán đồ nhựa “Trọng” thuộc số 28 đường H Vương, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q, bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã có hành V lén lút trộm cắp 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen của chị Phan Thị Thủy D với giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 4.933.600 đồng (Bốn triệu chín trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm đồng). Như vậy, hành V của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Viên kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo với tội như trên là có căn cứ, đúng pháp luật, cần được chấp nhận.

[3] *Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành V phạm tội của bị cáo thì thấy:*

Tội phạm mà bị cáo gây ra xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo vệ. Bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã nhận thức được rằng Vệc chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật. Nhưng vì tham lam, muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không cần bỏ sức lao động nên bị cáo đã thực hiện hành V phạm tội. Do đó cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] *Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy:*

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành V của bị cáo gây thiệt hại không lớn. Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đây là những tình tiết được Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo một phần mức hình phạt nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo Nguyễn Thị Thu T có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo chấp hành tốt các chính sách, pháp luật của Nhà nước, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo đang nuôi con nhỏ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, vì vậy không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ như truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát cũng không gây nguy hiểm cho xã hội và không ảnh

hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Do bị cáo có thu nhập không ổn định, kinh tế khó khăn nên căn cứ khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại bà Phan Thị Thùy D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về xử lý vật chứng*: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ: 01 (một) điện thoại di động loại màn hình cảm ứng hiệu Iphone 7 Plus màu đen, bộ nhớ 32Gb, 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím cơ hiệu Nokia 105TA1174 màu đen, 01 (một) xe mô tô hiệu Rebat biển kiểm soát 92F6-8715, 01 (một) áo thun ngắn tay màu hồng trên ngực áo có thêu ký tự “15 May be you are a good boy”, 01 (một) áo khoác dài tay có mũ trùm đầu màu xanh đen, mặt trong phía dưới mũ trùm có in ký tự “TN NAM VIỆT”, 01 (một) Quần jean ngắn màu xanh, tại mác quần có thêu ký tự “VTjeans”, 01 (một) đôi dép xỏ ngón có quai kép màu cam và đen, tại quai màu cam có dập nổi ký tự "monobo", 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu điện tử gồm 02 tập tin tên “Quán Trọng 1.mp4” và “Quán Trọng 2.mp4”, 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu điện tử gồm 02 tập tin tên “Camera Minh H lúc bán.mp4” và “Camera Minh H lúc chuộc lại.mp4”

Sau khi điều tra làm rõ, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện D đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 28 ngày 19/9/2021, trả lại cho bị hại chị Phan Thị Thùy D 01 (một) điện thoại di động loại màn hình cảm ứng hiệu Iphone 7 Plus màu đen, bộ nhớ 32Gb. Việc trao trả các vật chứng trên là đúng quy định pháp luật qui định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Rebat, biển kiểm soát 92F6-8715 là phương tiện mà T sử dụng để đi trộm cắp tài sản, quá trình điều tra đã làm rõ chiếc xe máy này nguồn gốc của ông Lê Nhân, sinh năm 1989 tại Đ, Q mua vào năm 2007 đến năm 2008 bán lại cho ông Văn Anh K. Khi giao xe này cho T sử dụng, ông K không biết bị cáo dùng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản nên Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho ông Văn Anh K là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím cơ hiệu Nokia 105TA1174 màu đen. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo T nhưng không liên quan đến hành V phạm tội của bị cáo. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thu T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Các vật chứng còn lại bao gồm: 01 (một) áo thun ngắn tay màu hồng trên ngực áo có thêu ký tự “15 May be you are a good boy”, 01 (một) áo khoác dài tay có mũ trùm đầu màu xanh đen, mặt trong phía dưới mũ trùm có in ký tự “TN NAM VIỆT”, 01 (một) Quần jean ngắn màu xanh, tại mác quần có thêu ký tự “VTjeans”, 01 (một) đôi dép xỏ ngón có quai kép màu cam và đen, tại quai màu cam có dập nổi ký tự "monobo", đây là các vật chứng bị cáo T mặc trên người lúc thực hiện tội phạm. Xét thấy bị cáo T không có yêu cầu nhận lại và các tài sản này không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự

năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu điện tử gồm 02 tập tin tên “Camera Minh H lúc bán.mp4” và “Camera Minh H lúc chuộc lại.mp4”, 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu điện tử gồm 02 tập tin tên “Quán Trọng 1.mp4” và “Quán Trọng 2.mp4” ghi lại diễn biến vụ án nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[7] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] *Vấn đề khác*: Đối với ông Văn Anh K là người giao xe máy cho bị cáo T sử dụng và ông Nguyễn Văn H là chủ cửa hàng điện thoại Minh H thu mua điện thoại Iphone 7 Plus cho bị cáo T, do ông Khoa không biết Việc bị cáo T dùng xe máy này để đi trộm cắp, ông H không biết nguồn gốc chiếc điện thoại ông mua là do bị cáo T trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D không xử lý những người này là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu T (tên gọi khác: Vi) phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện D, tỉnh Q nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu T cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện D, tỉnh Q để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu T được miễn Việc khấu trừ thu nhập.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) áo thun ngắn tay màu hồng trên ngực áo có thêu ký tự “15 May be you are a good boy”, 01 (một) áo khoác dài tay có mũ trùm đầu màu xanh đen, mặt trong phía dưới mũ trùm có in ký tự “TN NAM VIỆT”, 01 (một)

Quần jean ngắn màu xanh, tại mác quần có thêu ký tự “VTjeans”, 01 (một) đôi dép xỏ ngón có quai kép màu cam và đen, tại quai màu cam có đập nổi ký tự "monobo",

- Trả lại cho ông Văn Anh K 01 (một) xe mô tô hiệu Rebat, biển kiểm soát 92F6-8715.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thu T 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím cơ hiệu Nokia 105TA1174 màu đen nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Lưu giữ 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu điện tử gồm 02 tập tin tên “Camera Minh H lúc bán.mp4” và “Camera Minh H lúc chuộc lại.mp4” và 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu điện tử gồm 02 tập tin tên “Quán Trọng 1.mp4” và “Quán Trọng 2.mp4” trong hồ sơ vụ án.

(Vật chứng hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện D theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/11/2021).

3. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thị Thu T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/12/2021). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Sở tư pháp tỉnh Q;
- Cục THA tỉnh Q;
- Chi cục THA DS huyện D;
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn, THA.

Trần Hoàng Dũng

